

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI**  
**HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1- GD2**  
HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2021-2022  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ

Ngày thi: 02.8.2022

Phòng thi 01 (301-C1)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm môn		Ghi chú
							Đọc	Viết	Đọc	Viết	
1	20040535	Lê Ngọc	Anh	18/12/2022	QH.2020.F.1.R2.NN	FLF1107B 1					
2	21040368	Đỗ Châu	Anh	04/03/2003	QH.2020.F.1.C1.SP	FLF1107B 2					
3	21041121	Lại Thị Ngọc	Anh	04/08/2003	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 3					
4	21041082	Nguyễn Hải	Anh	19/08/2003	QH.2021.F.1.J1.SP	FLF1107B 1					
5	20040537	Nguyễn Kiều	Anh	19/09/2002	QH.2020.F.1.R1.NN	FLF1107B 3					
6	20040538	Nguyễn Thị Hồng	Anh	13/10/2002	QH.2020.F.1.R2.NN	FLF1107B 1					
7	21040743	Nguyễn Thị Kim	Anh	12/04/2003	QH.2021.F.1.J1.SP	FLF1107B 2					
8	21040759	Nguyễn Thị Phương	Anh	04/09/2002	QH.2021.F.1.K1.SP	FLF1107B 2					
9	21040749	Quách Thị	Anh	03/02/2003	QH.2021.F.1.J1.SP	FLF1107B 1					
10	21040191	Trần Cẩm	Anh	28/05/2003	QH.2020.F.1.C1.SP	FLF1107B 2					
11	21041124	Trần Thị Quỳnh	Anh	02/02/2003	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 3					
12	21040750	Trương Hà Hải	Anh	05/03/2003	QH.2021.F.1.J1.SP	FLF1107B 2					
13	20040544	Lý Thái	Bảo	16/08/2002	QH.2020.F.1.R1.NN	FLF1107B 3					
14	21041085	Nguyễn Thị Minh	Châu	07/11/2003	QH.2021.F.1.R3.NN	FLF1107B 1					
15	20041485	Lê Huy	Đạt	13/06/2002	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 2					
16	21040183	Nguyễn Đình Tiến	Đạt	25/07/2003	QH.2020.F.1.C1.SP	FLF1107B 2					
17	21040751	Lưu Phương	Đông	27/02/2001	QH.2021.F.1.J1.SP	FLF1107B 1					

18	21040746	Hoàng Thị Hương	Dung	04/12/2003	QH.2021.F.1.J1.SP	FLF1107B 2					
19	20040311	Phạm Hoàng	Dương	03/05/2000	QH.2019.F.1.C8.SP	FLF1107B 2					
20	21041087	Vũ Thùy	Dương	05/01/2003	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 3					
21	20041487	Trần Thu	Hà	28/07/2002	QH.2020.F.1.R1.NN	FLF1107B 2					

**Danh sách gồm:** sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: .....; Viết: .....

Cán bộ coi thi 01: .....

Cán bộ coi thi 02: .....

Thư ký: .....

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI**  
**HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1- GD2**  
**HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2021-2022**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**Ngày thi: 02.8.2022**

**Phòng thi 02 (302-C1)**

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm môn		Ghi chú
							Đọc	Viết	Đọc	Viết	
1	21041130	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	04/10/2003	QH.2021.F.1.R3.NN	FLF1107B 3					
2	21041132	Phạm Thị	Hòa	17/02/2003	QH.2021.F.1.R1.NN	FLF1107B 3					
3	20040492	Dương Huy	Hoàng	29/06/2000	QH.2019.F.1.C8.SP	FLF1107B 2					
4	21040747	Nguyễn Mai	Hương	09/04/2003	QH.2021.F.1.J1.SP	FLF1107B 1					
5	21041092	Bùi Thu	Huyền	12/08/2003	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 2					
6	21040761	Nguyễn Khánh	Huyền	25/02/2003	QH.2021.F.1.K1.SP	FLF1107B 2					

7	21040170	Nguyễn Thị Thu	Huyền	03/04/2003	QH.2021.F.1.K1.SP	FLF1107B 3					
8	21041136	Bùi Văn	Khởi	16/04/2003	QH.2021.F.1.R3.NN	FLF1107B 1					
9	21041093	Lê Vũ Hoàng	Lan	10/12/2003	QH.2021.F.1.R3.NN	FLF1107B 1					
10	21041710	Nguyễn Hồng	Liên	29/10/2003	QH.2021.F.1.A1.NN	FLF1107B 3					
11	21041711	Đình Phương	Linh	13/09/2003	QH.2021.F.1.A1.NN	FLF1107B 2					
12	21040733	Lê Minh Hoài	Linh	25/01/2003	QH.2021.F.1.C1.SP	FLF1107B 3					
13	21041137	Nguyễn Phương	Linh	08/02/2003	QH.2021.F.1.R1.NN	FLF1107B 2					
14	21041097	Nguyễn Thị Hải	Linh	29/12/2002	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 3					
15	20040572	Vũ Thị	Linh	22/01/2002	QH.2020.F.1.R2.NN	FLF1107B 1					
16	21040559	Nguyễn Phương	Loan	08/12/2003	QH.2020.F.1.C1.SP	FLF1107B 2					
17	21040773	Lý Thị	Na	14/07/2000	QH.2020.F.1.K1.SP	FLF1107B 2					
18	21040013	Lê Chí	Nghĩa	20/09/2003	QH.2020.F.1.C1.SP	FLF1107B 2					
19	21040734	Nguyễn Thị	Nhân	04/01/2003	QH.2021.F.1.C1.SP	FLF1107B 1					
20	21040767	Nguyễn Quang	Nhật	05/10/2003	QH.2021.F.1.K1.SP	FLF1107B 2					
21	20040948	Nguyễn Thị Kiều	Như	26/08/2002	QH.2019.F.1.C8.SP	FLF1107B 2					

**Danh sách gồm:**     **sinh viên**

Số thí sinh dự thi môn Đọc: .....; Viết: .....

Cán bộ coi thi 01: .....

Cán bộ coi thi 02: .....

Thư ký: .....

**ĐẠI HỌC QUỐC GIA HÀ NỘI**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**DANH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THI**  
**HỌC PHẦN: TIẾNG ANH B1- GD2**  
**HỌC KÌ 2- NĂM HỌC 2021-2022**  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC NGOẠI NGỮ**

Ngày thi: 02.8.2022

Phòng thi 03 (303-C1)

SBD	Mã SV	Họ	Tên	Ngày sinh	Khóa/Ngành	Mã lớp môn học	Kí nộp bài môn		Điểm môn		Ghi chú
							Đọc	Viết	Đọc	Viết	
1	21040228	Nguyễn Thị Hồng	Nhung	08/03/2003	QH.2021.F.1.K1.SP	FLF1107B 2					
2	21040757	Trần Trang	Nhung	16/12/2003	QH.2021.F.1.J1.SP	FLF1107B 1					
3	21041716	Nguyễn Thanh	Phong	25/03/2003	QH.2021.F.1.A1.NN	FLF1107B 1					
4	21041717	Nguyễn Quỳnh	Phuong	26/11/2003	QH.2021.F.1.A1.NN	FLF1107B 2					
5	21040470	Trần Đỗ	Quyên	07/09/2003	QH.2020.F.1.K1.SP	FLF1107B 1					
6	20040593	Nguyễn Thị Thúy	Quỳnh	18/12/2002	QH.2020.F.1.R1.NN	FLF1107B 3					
7	21041721	Nguyễn Duy	Thái	21/10/2003	QH.2021.F.1.A1.NN	FLF1107B 1					
8	18040267	Trịnh Thị	Thảo	14/07/2000	QH.2020.F.1.G1.SP	FLF1107B 2					
9	21040770	Bùi Phương	Thuận	27/01/2003	QH.2021.F.1.K1.SP	FLF1107B 1					
10	21041107	Nguyễn Thị	Thương	03/12/2003	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 3					
11	21040762	Hà Thị	Thủy	26/02/2003	QH.2021.F.1.K1.SP	FLF1107B 2					
12	17041089	Đặng Thị Thủy	Tiên	30/08/1999	QH2019.F.1.G4.PD	FLF1107B 1					
13	21041109	Vũ Thu	Trà	07/04/2003	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 1					
14	21041110	Nguyễn Quỳnh	Trang	11/10/2003	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 1					
15	21041146	Nguyễn Thị Thu	Trang	01/07/2003	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 1					
16	21040178	Nguyễn Thu	Trang	17/04/2003	QH.2021.F.1.K1.SP	FLF1107B 3					
17	21040221	Phạm Thu	Trang	14/09/2003	QH.2021.F.1.C1.SP	FLF1107B 3					
18	21041111	Tạ Thị Huyền	Trang	28/11/2003	QH.2021.F.1.R2.NN	FLF1107B 1					
19	20040612	Ngô Thị Cẩm	Tú	12/06/2002	QH.2020.F.1.R1.NN	FLF1107B 3					
20	21040771	Lưu Nhật	Uyên	11/11/2003	QH.2021.F.1.K1.SP	FLF1107B 2					

Danh sách gồm: sinh viên

Số thí sinh dự thi môn Đọc: .....; Viết: .....

Cán bộ coi thi 01: .....

Cán bộ coi thi 02: .....

Thư ký: .....









